

Số: 89 /2019 /QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 19 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 108/2019/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019, giữa:

Anh Trần Trung D, sinh năm 1978

Chị Ngô Thị N, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5, điểm b, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Trần Trung D, sinh năm 1978

Chị Ngô Thị N, sinh năm 1981

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Trung D và chị Ngô Thị N.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung với nhau, cháu tên là Trần Trung H, sinh ngày 13/11/2005. Anh, chị thỏa thuận giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị

N mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) tính từ tháng 4 năm 2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản và phần nợ: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Về án phí: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận anh D nộp toàn bộ tiền án phí. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) anh D đã nộp theo biên lai số AA/2018/0003449 ngày 18 tháng 03 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung, anh D đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án T
- phòng Giám đốc án
- UBND TT Kim Tân
- huyện T
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy

